

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/ST-HNGĐ

Ngày: 17-5-2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Hương và ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10-4- 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25-4- 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Thanh Lê Kiều V - Sinh năm: 2002 – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: anh Trần Văn D - Sinh năm: 1994 – Vắng mặt lần 2 không có lý do chính đáng.

Địa chỉ: thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án như sau:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12-8-2022 và tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 20-3-2023, nguyên đơn chị Thanh Lê Kiều Việt yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

Về hôn nhân: chị V và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại không còn chung sống với nhau, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh D.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị V và anh D có một con chung là cháu Trần Thanh Phú H - Sinh ngày: 15-01-2021, từ khi không còn chung sống với nhau, con chung do anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Khi ly hôn chị V đề nghị tiếp tục giao con chung cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án đã thông báo về việc khởi kiện, triệu tập lên lấy lời khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo thời gian xét xử vụ án nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

3. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn chị Thanh Lê Kiều Việt đối với bị đơn anh Trần Văn D; buộc chị Thanh Lê Kiều Việt phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp được xác định là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân:

Xét lời trình bày của của chị V về tình trạng hôn nhân phù với biên bản xác minh ngày 14-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện N tại chính quyền địa phương nơi chị V và anh D chung sống nên có đủ cơ sở xác định: nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị V và anh D đã tự ý sống cách xa nhau trong một khoảng thời gian dài. Trong thời gian này không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Điều này đã chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh D.

[2.2]. Về con chung: chị V và anh D có một con chung là cháu Trần Thanh Phú H - Sinh ngày: 15-01-2021. Chị V trình bày cháu đang ở cùng anh D. Do không ghi nhận được ý kiến của anh D nhưng lời trình bày của chị V phù hợp với Biên bản xác minh ngày 14-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện N. Xét cháu Hòa hiện nay đang do anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị V đồng ý tiếp tục giao con cho anh D nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Hòa cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

[2.3]. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Việt đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận cho chị Thanh Lê Kiều V được ly hôn với anh Trần Văn D.
2. Giao cháu Trần Thanh Phú H - Sinh ngày: 15-01-2021 cho anh Trần Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Thanh Lê Kiều V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Thanh Lê Kiều V đã nộp theo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002800 ngày 02-11-2022, chị Thanh Lê Kiều V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tùng